

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 59/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 07/02/2025

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đoàn Thị Hương Nhu**.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Mai Thị Thảo**.

Bà **Đỗ Thị Thanh**.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà **Vũ Thị Huyền** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:** Bà **Phan Thị Thu Huyền** - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 676/2024/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2024, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 01 năm 2025, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Hoàng Văn C**, sinh ngày 10/04/1983.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương;
Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản;

- Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị T**, sinh ngày 30/08/1987.

Nơi cư trú trước khi xuất cảnh: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương;
Nơi cư trú hiện nay: Nhật Bản.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đồng thời là người được anh C ủy quyền về việc giao, nhận văn bản:** Bà **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1952; Địa chỉ: Thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương.

Các đương sự vắng mặt và đều đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh **Hoàng Văn C** trình bày: Anh và chị **Nguyễn Thị T** kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh

Hải Dương ngày 18/9/2006. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì anh đi lao động tại Malaysia, sau đó một năm anh hoàn tất thủ tục và đón chị T sang lao động cùng. Năm 2017 vợ chồng cùng nhau về nước, năm 2018 anh lại sang Nhật Bản làm việc, sau một năm anh đón vợ sang cùng. Mặc dù lao động khác công ty nhưng hàng tháng vợ chồng vẫn gặp gỡ nhau, anh giao hết kinh tế cho chị quản lý. Đến năm 2023 bố đẻ chị T bệnh nặng nên chị về chăm sóc bố một thời gian rồi lại sang Nhật Bản lao động. Khi về Việt Nam chị T vay tiền khắp nơi (vay cả họ hàng hai bên rồi vay cả lãi ngày), anh hỏi thì chị T nói để lo toan chữa bệnh cho bố, chị cũng không giải thích được tiền lương tích góp của hai vợ chồng những năm qua đã chi dùng vào việc gì mà không còn, sau nhiều lần tranh cãi giữa anh và chị T đã có nhiều rạn nứt. Từ cuối năm 2023 chị T luôn tránh mặt anh, không gặp gỡ, không chuyện trò, không liên lạc với nhau nên anh cũng không biết địa chỉ cụ thể của chị T. Nay anh nhận thấy không còn tình cảm vợ chồng với chị T, mâu thuẫn giữa anh chị không thể hóa giải được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 01/8/2007 và Hoàng Văn M, sinh ngày 02/01/2015, hiện các con đang ở với bà Nguyễn Thị L (là bà nội). Anh và chị T thống nhất giao con chung Hoàng Mạnh T1 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con chung Hoàng Văn M cho anh chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con tròn 18 tuổi, anh chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh, chị không có mặt ở Việt Nam, anh chị nhất trí giao các con cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh và chị T về nước.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh chị không có nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh C đang lao động tại Nhật Bản nên anh ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lệ T2 anh giao, nhận các văn bản, tài liệu tại Tòa án, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Do anh C không cung cấp được địa chỉ cụ thể của chị T nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình chị T. Bà Nguyễn Thị S (là mẹ đẻ chị T) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của chị T ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên chị T vẫn liên lạc với gia đình qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho chị T biết. Chị T có quan điểm xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh C xin ly hôn chị hoàn toàn nhất trí. Chị xác định vợ chồng có 02 con chung như anh Công trình B là đúng, chị và anh C cùng thống nhất giao con Hoàng Mạnh T1 cho chị chăm sóc, nuôi dưỡng; giao con Hoàng Văn M cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung

cho nhau. Trong thời gian chị T không có mặt tại Việt Nam, chị ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lệ T2 chị chăm sóc con Hoàng Mạnh T1 cho đến khi chị về nước và chị cũng nhất trí để con Hoàng Văn M ở với bà L trong thời gian anh C không có mặt ở Việt Nam. Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết và chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Người được anh C ủy quyền về việc giao, nhận văn bản tố tụng tại Tòa án - bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà nhất trí nhận ủy quyền của anh C, sau khi nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án, bà đã thông báo cho anh C biết, anh Hoàng Văn C vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày. Ngoài ra, bà nhất trí chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Mạnh T1 và cháu Hoàng Văn M cho đến khi anh C, chị T về nước và bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

Con chung của anh C, chị T là cháu Hoàng Mạnh T1 có nguyện vọng được ở với chị T, cháu Hoàng Văn M có nguyện vọng được ở với anh C và các cháu đều có nguyện vọng được ở với bà Nguyễn Thị L trong thời gian bố mẹ vắng nhà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sự đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án; về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Hoàng Văn C ly hôn chị Nguyễn Thị T; về con chung: Giao cho anh Hoàng Văn C trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Văn M, sinh ngày 02/01/2015 và giao cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 01/08/2007 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Trong thời gian anh C, chị T không có mặt ở Việt Nam, tạm giao các cháu cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C, chị T về nước. Anh C phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị T cùng có nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn P, xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương, hiện anh, chị đang sinh sống và làm việc tại Nhật Bản. Do vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương. Mặc dù anh C không có

mặt ở Việt Nam nhưng thời gian về nghỉ phép anh đã có đơn xin ly hôn, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt và ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Lệ T2 anh giao, nộp tại Tòa án. Các tài liệu của anh đã được Ủy ban nhân dân xã P, huyện C xác nhận. Do vậy, có đủ cơ sở khẳng định quan điểm ly hôn của anh là hoàn toàn tự nguyện. Các đương sự đều có quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện C, tỉnh Hải Dương ngày 18/9/2006 là hôn nhân hợp pháp. Căn cứ lời khai của các đương sự, xác định được giữa anh C và chị T có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do không có sự tin tưởng nhau trong việc quản lý kinh tế và chi tiêu tài chính trong gia đình, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt, không có sự quan tâm đến nhau. Nay anh C có đơn xin ly hôn, chị T cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh C và chị T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh C được ly hôn chị T là phù hợp với điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Con chung của anh C và chị T là cháu Hoàng Mạnh T1 và cháu Hoàng Văn M hiện đang ở với bà nội là Nguyễn Thị Lệ. Anh C và chị T thống nhất giao con chung Hoàng Mạnh T1 cho chị T; giao con chung Hoàng Văn M cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các con thành niên. Con chung Hoàng Mạnh T1 có nguyện vọng được ở với chị T, con chung Hoàng Văn M có nguyện vọng được ở với anh C. Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận nuôi con của anh C và chị T là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với thực tế, phù hợp với nguyện vọng của các con và phù hợp với quy định của pháp luật. Do vậy, cần chấp nhận thỏa thuận của anh chị, giao con chung Hoàng Mạnh T1 cho chị T và giao con chung Hoàng Văn M cho anh C chăm sóc, nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau là phù hợp. Trong thời gian anh C, chị T không có mặt ở Việt Nam, tạm giao các con cho bà L chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh C, chị T về nước.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh C, chị T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về án phí: Anh Hoàng Văn C phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hoàng Văn C, xử cho anh Hoàng Văn C ly hôn chị Nguyễn Thị T.

2. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị T tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hoàng Mạnh T1, sinh ngày 01/8/2007; Giao cho anh Hoàng Văn C tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung là Hoàng Văn M, sinh ngày 02/01/2015 cho đến khi các con trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh C và chị T không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau. Tạm giao cháu Hoàng Mạnh T1 và Hoàng Văn M cho bà Nguyễn Thị L chăm sóc nuôi dưỡng cho đến khi anh C, chị T về nước.

Anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

3. Về án phí: Anh Hoàng Văn C phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được đối trừ 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí, theo biên lai thu số 0005425 ngày 12 tháng 12 năm 2024 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (do bà Nguyễn Thị L nộp thay). Anh C đã nộp đủ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Hoàng Văn C và chị Nguyễn Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày; bà Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã Cẩm Hoàng, huyện Cẩm giàng, tỉnh Hải Dương;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa GD&NCTN.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Thị Hương Nhu